

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 98/2023/DS-ST

Ngày 15-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuận

2. Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Võ Nhựt A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 64 đường D, khu phố 2, thị xã K, tỉnh L.

Bị đơn: ông Bùi Phước T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 148/14 Quốc lộ A, Phường B, thành phố T, tỉnh L.

(*Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Nhựt A trình bày:

Ngày 24/02/2023, ông có cho ông Bùi Phước T vay số tiền 101.500.000 đồng (*Một trăm lẻ một triệu, năm trăm nghìn đồng*), thời hạn vay từ ngày 24/02/2023 đến ngày 10/3/2023, hợp đồng có lập thành văn bản được các bên đồng ý ký tên xác nhận, không thỏa thuận lãi suất vay.

Ngày 14/3/2023, ông có đưa tiếp cho ông Bùi Phước T số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*), hai bên có lập hợp đồng mượn tiền, ông T hẹn đến 23/3/2023 sẽ mua dùm ông 10 tấn lúa và giao lại cho ông, tuy nhiên ông T lại tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết và cũng không trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho ông.

Tổng cộng ông T đã nợ ông 151.500.000 đồng. Dù ông đã nhiều lần yêu cầu ông Bùi Phước T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T cố tình trốn tránh không thực hiện. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Phước T phải trả lại cho ông số tiền gốc 151.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền vay 101.500.000 đồng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng (10%/năm) kể từ ngày vi phạm 11 tháng 3 năm 2023 đến ngày xét xử 15/9/2023 với số tiền lãi là 5.470.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu ông T phải trả cho ông là 156.970.000 đồng.

Bị đơn ông Bùi Phước T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy báo phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông A, không tham gia các phiên tòa.

Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Nhựt A về việc yêu cầu ông Bùi Phước T trả số tiền nợ vay gốc là 151.500.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Võ Nhựt A đối với số tiền nợ gốc 101.500.000 đồng tính từ ngày 11/3/2023 đến ngày xét xử 15/9/2023 theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi là 5.470.000 đồng.

Về án phí: ông Bùi Phước T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Võ Nhựt A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Bùi Phước T có địa chỉ tại số 148/14 Quốc lộ 1, Phường 2, thành phố T, tỉnh L. Căn cứ điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: ông Bùi Phước T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối ông T là đúng theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Võ Nhựt A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về xem xét yêu cầu khởi kiện: ông Võ Nhựt A yêu cầu ông Bùi Phước T trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 151.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền 101.500.000 đồng kể từ ngày 11/3/2023 đến ngày xét xử 15/9/2023, căn cứ xác lập giao dịch là Hợp đồng cho mượn tiền ngày 24 tháng 02 năm 2023 có hạn trả là ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Hợp đồng cho mượn tiền ngày 14 tháng 3 năm 2023 có hạn trả là ngày 23 tháng 3 năm 2023. Tuy nhiên, đã quá các thời hạn trên nhưng ông T vẫn chưa trả nợ cho ông A, cho thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về nợ gốc: ông T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định. Cho thấy, ông T đã biết được việc ông A khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền nợ tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt và cũng không gửi trình bày ý kiến đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông A. Như vậy, ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông A. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (về nghĩa vụ chứng minh) quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do đó, căn cứ vào các hợp đồng cho mượn tiền có chữ ký của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, cần buộc ông T trả cho ông A số tiền nợ gốc là 151.500.000 đồng.

[2.3] Về tính lãi: ông A yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ vay 101.500.000 đồng kể từ ngày 11/3/2023 đến ngày xét xử 15/9/2023 theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ vay này từ ngày 11/3/2023. Theo “Hợp đồng cho mượn tiền” ngày 24 tháng 3 năm 2023 thì hai bên không thỏa thuận lãi suất khi vay. Do ông T không trả nợ đúng hạn nên ông A có yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ tương ứng với số tiền chậm trả là phù hợp theo qui định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi ông T phải trả cho ông A là $101.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 6 \text{ tháng} = 5.470.000 \text{ đồng}$.

[2.4] Về phương thức trả nợ: ông A yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc là 151.500.000 đồng và số tiền lãi là 5.470.000 đồng. Tổng cộng là 156.970.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. ông T không có ý

kiến về phương thức trả nợ nên cần buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 156.970.000 đồng một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: bị đơn ông Bùi Phước T phải chịu 7.848.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Nhựt A không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Nhựt A đối với ông Bùi Phước T.

Buộc ông Bùi Phước T trả cho ông Võ Nhựt A số tiền 156.970.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: ông Bùi Phước T phải chịu 7.848.500 đồng (*Bảy triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. ông Võ Nhựt A không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ tạm ứng án phí số tiền 3.829.622 đồng (*Ba triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng*) theo biên lai thu số 0002452 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THA TP. T;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan